

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN C

TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 24/2020/DSST

Ngày: 05-8-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Lộc

2. Ông Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Võ Minh Mẫn- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2020/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1959. Nơi cư trú: tổ 8, khu phố G, phường T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: anh Lê Văn K, sinh năm 1977, chị Đặng Thị M, sinh năm 1977. Cùng cư trú: số 62, hẻm 27, tổ 5, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị Thông V, sinh năm 1973. Nơi cư trú: khu phố G, phường T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Chị Nguyễn Đăng Nguyệt M1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: 40/6, khu phố G, phường T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị R trình bày: Tôi yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Văn K, chị M trả cho tôi số tiền 350.000.000 đồng gốc và lãi suất từ ngày mượn theo quy định của pháp luật, khấu trừ tiền lãi chị M đã đóng cho tôi. Chị M, anh Lê Văn K có vay tôi nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 29/11/2018 vay 70.000.000 đồng.

Ngày 22/12/2018 vay 80.000.000 đồng

Ngày 14/3/2019 vay 100.000.000 đồng

Ngày 27/3/2019 vay 300.000.000 đồng

Tổng cộng: 550.000.000 đồng có làm giấy nợ do vợ chồng chị M, anh Lê Văn K ký nhận trong giấy mượn tiền, có giấy vợ chồng M, K viết ký tên sẵn đem đến nhà tôi, có lần làm giấy nợ tại nhà tôi. Tôi là người trực tiếp giao tiền cho M tại nhà tôi, Giấy nợ 300.000.000 đồng tôi yêu cầu phải có K ký tên nên M điện thoại cho K và tôi trực tiếp nói chuyện với K bằng điện thoại của M. Khi vay M có ghi thời hạn trả trong giấy nợ.

Chị M, anh Lê Văn K trả cho tôi được số tiền 200.000.000 đồng hình thức chuyển khoản Ngân hàng Agribank vào tài khoản của tôi chuyển nhiều lần. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2%/1.000.000 đồng/tháng. Tiền lãi chị M chuyển khoản vào tài khoản của tôi cho tôi nhiều lần và cho M1 con tôi tổng cộng số tiền 49.400.000 và M đóng lãi trực tiếp cho tôi 12.000.000 đồng, V đóng 10.000.000 đồng từ tháng 5/2019 K, M không đóng lãi tôi có lên nhà M đòi nhiều lần có lần gặp hai vợ chồng K, M, K và M thừa nhận còn nợ tôi 250.000.000 đồng và xin trả 01 tháng 10.000.000 đồng tôi không đồng ý tôi nói còn nợ tôi 350.000.000 đồng không phải 250.000.000 đồng thì Mươi nói chỉ nợ tôi 250.000.000 đồng và M trả 10.000.000 đồng/tháng tôi không đồng ý, M nói tôi không đồng ý thì kiện đi do đó tôi thường xuyên điện thoại M không bắt máy, tôi lên nhà gặp K nói M giận bỏ nhà đi mượn nhà ở và ly hôn với K. Tại tòa tôi yêu cầu vợ chồng K, M trả cho tôi số tiền 350.000.000 đồng và lãi suất trong hạn 20%/năm quá hạn theo quy định của pháp luật, khấu trừ vào tiền lãi M đã đóng vì khi vay M nói xây nhà thiếu tiền nên vay tiền của tôi.

Bị đơn- chị Đặng Thị M trình bày: Tôi thống nhất số tiền vay tổng cộng của Bà R là 550.000.000 đồng lãi suất 9%/1.000.000 đồng/tháng vay sử dụng riêng (để trả nợ của tôi vay người khác) không liên quan đến anh Lê Văn K, giấy

nợ có chữ ký và viết họ và tên anh Lê Văn K là do Bà R yêu cầu phải có anh Lê Văn K ký tên nên tôi tự ký tên và ghi họ tên của anh Lê Văn K vào giấy nợ thực tế anh Lê Văn K không ký và không có viết họ và tên trong hai giấy nợ Bà R cung cấp cho tòa. Trong số tiền vay 70.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tôi đã trả cho Bà R được 100.000.000 đồng vào cuối năm 2018 tôi đưa cho chị Lê Thị Thông V trả cho Bà R và tôi có trực tiếp đóng lãi cho Bà R trực tiếp 01 lần số tiền 13.500.000 đồng không làm giấy tại nhà Bà R không ai biết ngoài tôi và Bà R, tôi đưa cho bà Vị đóng cho Bà R 02 lần số tiền 19.000.000 đồng, còn lại tôi trả cho Bà R hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bà R số tiền 200.000.000 đồng qua Ngân hàng Agribank và chuyển tiền lãi qua tài khoản của con gái Bà R tên Nguyễn Đăng Nguyệt M tại ngân hàng Sacombank và tài khoản của Bà R tại Ngân hàng Agribank không biết bao nhiêu tiền. Tôi xác định còn nợ Bà R tiền gốc là 250.000.000 đồng. Tôi nhớ có lần Bà R lên đòi tiền chồng tôi có xin Bà R cho vợ chồng tôi trả 01 tháng 10.000.000 đồng Bà R không đồng ý. Tại phiên tòa vợ chồng tôi đồng ý trả cho Bà R tiền gốc 250.000.000 đồng tiền lãi suất trong hạn 20%/năm quá hạn theo quy định của pháp luật và khấu trừ tiền lãi đã đóng cho Bà R (chuyển khoản 49.400.000 đồng đóng trực tiếp 33.000.000 đồng, trong đó tôi đóng cho Bà R 02 lần 23.000.000 đồng, chị Thông V đóng giùm 01 lần 10.000.000 đồng không có làm giấy).

Bị đơn- anh Lê Văn K trình bày: Tôi xác định không có vay tiền của Bà R việc Bà R cho M vay tôi không biết, tôi không có ký tên cũng như ghi họ và tên trong hai giấy nợ do Bà R cung cấp cho tòa, chữ ký và chữ viết trong hai giấy nợ là do M tự viết và tự ký, có lần Bà R lên nhà vợ chồng tôi đòi tiền tôi và M có xin Bà R cho vợ chồng tôi trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến hết số tiền 250.000.000 đồng nhưng Bà R không đồng ý. Nay tôi đồng ý cùng vợ tôi (M) trả cho Bà R tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất thống nhất như M yêu cầu.

Chị Lê Thị Thông V trình bày: Do tôi ở gần nhà bà Tư R nên quen biết, còn giữa tôi và bà M cũng quen biết nhau tôi là cộng tác viên bảo hiểm của bà M, giữa Bà R và bà M cũng quen biết nhau. Do đó lần đầu tiên bà M có nhờ tôi hỏi vay của Bà R 70.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng (số tiền này bà M trả cho Bà R xong), sau đó bà M kêu tôi hỏi vay Bà R 300.000.000 đồng tôi không đồng ý vì số tiền lớn hai bên tự làm, sau đó bà M vay thêm Bà R bao nhiêu tiền tôi không biết, hai bên làm giấy nợ và giao tiền tôi không có chứng kiến. Do hai bên không thống nhất số tiền vay nên Bà R và bà M điện thoại cho tôi. Ngày

10/9/2019 bà M điện cho tôi nói nhờ tôi trả cho Bà R 100.000.000 đồng ngày nào nhớ không tôi nói không nhớ để tôi nhớ lại xem sao, Bà R thì điện thoại cho tôi nói bà M chưa trả tiền, khoảng 1 tiếng đồng hồ sau tôi mới nhớ bà M mượn tiền của bà L để trả cho Bà R, bà M mượn của bà L 95.000.000 đồng còn thiếu 5.000.000 đồng bà M kêu tôi cho mượn cho đủ 100.000.000 đồng để trả cho Bà R, bà M ký giấy mượn tiền của bà L sau đó bà L mới đến nhà tôi đưa tiền cho tôi, tôi mới đem lại nhà Bà R đưa cho Bà R nhà Bà R có ai chứng kiến không tôi không nhớ, đưa chiều ngày 31/01/2019, tôi pho to giấy bà M mượn tiền của bà L để bà M trả cho Bà R cho Tòa án nghiên cứu giải quyết. Tôi xác định bà M vay của Bà R bao nhiêu tiền tôi không biết nhưng tôi là người trực tiếp đưa cho Bà R 100.000.000 đồng tại nhà Bà R nhưng không có làm giấy biên nhận tiền vì tôi nghĩ giữa Bà R và bà M đã thống nhất hoặc làm giấy tôi là người đưa giùm bà M (tiền này bà M mượn của bà L 95.000.000 đồng của tôi 5.000.000 đồng), tiền bà M mượn của bà L đến nay cũng chưa trả cho bà L, còn 5.000.000 đồng bà M mượn của tôi thì vài ngày sau bà M trả lại cho tôi rồi. Tôi xác định bà M có gửi tiền lãi cho tôi đóng giùm cho Bà R đóng mấy lần và bao nhiêu tiền thì tôi không nhớ vì tôi chỉ đưa giùm còn việc bên Bà R nhận bao nhiêu tiền lãi của bà M thì giữa bà M và Bà R tính toán với nhau.

Hiện nay bà M, ông K còn nợ Bà R bao nhiêu tiền thì tôi không biết nhưng Bà R có rên với tôi là bà M, ông K còn thiếu tiền mấy trăm triệu nhưng tôi không có hỏi Bà R nên tôi không biết. Tôi đưa tiền cho Bà R Bà R đếm tiền xong tôi về liền nên không biết Bà R có hủy giấy nợ không. Theo tôi biết bà M còn thiếu tiền Bà R nên cứ né tránh mới nhờ bà đưa tiền cho Bà R.

Chị Nguyễn Đăng Nguyệt M1 **trình bày:** Vào ngày 16/4/2019 chị Đặng Thị M có chuyển khoản vào tài khoản chị số tiền 9.000.000 đồng để đóng lãi cho Bà R (mẹ chị) ngoài ra chị M không có chuyển khoản cho chị lần nào nữa, chị có cung cấp bản sao kê của Ngân hàng Sacombank cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật HN&GD năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị R buộc bị đơn bà Đặng Thị M, ông Lê Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị R số tiền gốc 250.000.000 đồng và lãi suất ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự và khấu trừ tiền lãi bà M đã đóng 71.400.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của Bà R yêu cầu bà M, ông K trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng vay tài sản giữa Bà R và anh Lê Văn K, chị M được ký bằng văn bản, số tiền vay là 550.000.000 đồng không ghi thời hạn trả đối với số tiền 70.000.000 đồng, 01 tuần lễ đối với số tiền 80.000.000 đồng, đối với số tiền 300.000.000 đồng thời hạn trả trong vòng 07 ngày, đối với số tiền 100.000.000 đồng thời hạn trả là 01 tháng. Chị M, anh Lê Văn K trả cho bà tiền gốc 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, hiện anh Lê Văn K, chị M còn nợ bà 350.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng vay tiền là tự nguyện và hợp pháp, do có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên Bà R yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Chị M thừa nhận vay của Bà R số tiền 550.000.000 đồng anh Lê Văn K không biết chị trả cho Bà R 300.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản 200.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng chị nhờ Chị Lê Thị Thông V trả cho Bà R. Chị xác định giấy nợ ký tên K ghi họ và tên là do chị ký và viết anh Lê Văn K không biết nhưng khi Bà R đến nhà đòi tiền anh Lê Văn K và chị đồng ý trả cho Bà R 250.000.000 đồng. Tại tòa chị chấp nhận trả cho Bà R 250.000.000 đồng gốc và lãi suất trong hạn 20%/năm quá hạn theo quy định của pháp luật khấu trừ vào tiền lãi chị đã đóng nếu thiếu chị đóng thêm nếu thừa trừ vào tiền gốc.

Anh Lê Văn K thống nhất với yêu cầu của chị M vợ chồng anh đồng ý trả cho Bà R tiền gốc 250.000.000 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn theo yêu cầu của chị M khấu trừ tiền lãi chị M đã đóng nếu còn dư trừ vào tiền gốc nếu thiếu anh chị trả.

Về tiền gốc vay Bà R và chị M anh Lê Văn K thống nhất số tiền 550.000.000 đồng, tiền chị M anh Lê Văn K trả cho Bà R 300.000.000 đồng, nhưng trong đó số tiền 100.000.000 đồng chị M trả cho Bà R (chị Thông V đưa) Bà R cho rằng đây là tiền chị M vay giấy nợ khác không liên quan đến số tiền vay 550.000.000 đồng, do đó khi chị M trả bà đã hủy bỏ giấy nợ không còn.

Chị M xác định số tiền 100.000.000 đồng vay trong số tiền vay 550.000.000 đồng ngoài ra chị không có vay của Bà R tiền nào khác như Bà R khai.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay cũng như các lời khai trước đây Bà R và chị M, anh Lê Văn K tranh chấp số tiền 100.000.000 đồng Bà R cho rằng tiền này không phải trong số tiền vay 550.000.000 đồng mà khoản vay khác khi chị M trả thông qua chị Thông V bà đã hủy bỏ giấy nợ nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh là chị M trả khoảng tiền vay khác nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 463,466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà R buộc chị M, anh Lê Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà R số tiền 250.000.000 đồng gốc. Không chấp nhận yêu cầu của Bà R đối với 100.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Bà R, chị M, anh Lê Văn K thống nhất tiền lãi chị M chuyển khoản vào tài khoản của Bà R và Chị Nguyễn Đăng Nguyệt M1 tổng cộng 49.400.000 đồng. Đối với số tiền lãi đóng trực tiếp hai bên không thống nhất Bà R thừa nhận số tiền 22.000.000 đồng, chị M xác định đã đóng cho Bà R 33.000.000 đồng nhưng chị M không cung cấp được chứng cứ chứng minh ngoài lời khai nên lời khai của Bà R có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất hai bên không thống nhất Bà R khai 2%/tháng, chị M khai tại tòa lãi ngày 3.000 đồng/1.000.000 đồng, các lời khai trước đây chị M khai lãi suất 9%/tháng/1.000.000 đồng. Do lãi suất không thể hiện trong giấy nợ và các bên không thống nhất phải tính lại nhưng tại tòa các bên thống nhất tính lãi trong hạn 20%/năm và quá hạn theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi kể từ ngày vay theo giấy mượn tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

1/ Gốc vay 70.000.000 đồng vay ngày 29/11/2018 trong giấy nợ không hạn ngày trả. Ngày 31/01/2019 trả 70.000.000 đồng

- Lãi 70.000.000 đồng x 20 %/năm x 62 ngày= 2.411.111 đồng

2/ Gốc vay 80.000.000 đồng vay ngày 22/12/2018 hạn 01 tuần trả.

- Lãi trong hạn 80.000.000 đồng x 20%/năm x 07 ngày (từ 22/12/2018 đến ngày 29/12/2018) = 311.111 đồng

- Lãi quá hạn: 80.000.000 đồng x 30%/năm x 32 ngày (từ ngày 30/12/2018 đến ngày 31/01/2019) = 2.133.333 đồng

Ngày 31/01/2019 trả 30.000.000 đồng còn 50.000.000 đồng.

- Lãi 50.000.000 đồng x 30%/năm x 540 ngày (từ ngày 01/02/2019 đến ngày 03/8/2020) = 22.875.000 đồng

Tổng cộng lãi: 25.319.444 đồng.

3/ Gốc vay 100.000.000 đồng vay ngày 14/3/2019 hạn 01 tháng trả.

- Lãi trong hạn: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 30 ngày = 1.666.667 đồng

- Lãi quá hạn: 100.000.000 đồng x 30%/năm x 476 ngày (từ ngày 15/4/2019 đến ngày 03/8/2020) = 39.666.666 đồng

Tổng cộng lãi: 41.333.333 đồng

4/ Gốc vay 300.000.000 đồng vay ngày 27/3/2019 hạn 07 ngày trả.

- Lãi trong hạn: 300.000.000 đồng x 20%/năm x 07 ngày = 1.000.000 đồng

Ngày 02/4/2019 trả 50.000.000 đồng còn 250.000.000 đồng

Lãi 250.000.000 đồng x 30%/năm x 05 ngày = 1.041.667 đồng

Ngày 08/4/2019 trả 60.000.000 đồng còn 190.000.000 đồng x 30%/năm x 03 ngày (từ ngày 09/4/2019 đến ngày 12/4/2019) = 475.000 đồng

Ngày 12/4/2019 trả 50.000.000 đồng còn 140.000.000 đồng x 30%/năm x 13 ngày (từ ngày 13/4/2019 đến ngày 26/4/2019) = 1.516.667 đồng

Ngày 26/4/2019 trả 40.000.000 đồng còn 100.000.000 đồng x 30%/năm x 464 ngày (từ ngày 27/4/2019 đến ngày 03/8/2020) = 38.666.667 đồng.

Tổng cộng: 42.700.001 đồng.

Tổng lãi: - 70.000.000 đồng là 2.411.111 đồng

- 80.000.000 đồng là 25.319.444 đồng

- 100.000.000 đồng là 41.333.333 đồng

- 300.000.000 đồng 42.700.001 đồng

Tổng cộng tiền lãi: 111.763.889 đồng khấu trừ tiền lãi Bà R đã nhận: 71.400.000 đồng còn thiếu: 40.363.889 đồng.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi chị M, anh Lê Văn K phải trả cho Bà R là: 290.363.889 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện C đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà R, buộc chị M, anh Lê Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà R số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và

quá hạn sau đó khấu trừ tiền lãi chị M anh Lê Văn K đã đóng 71.400.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của Bà R đối với số tiền 100.000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc chị Đặng Thị M, anh Lê Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền 290.363.889 đồng; trong đó gốc 250.000.000 đồng và lãi suất là 40.363.889 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Bà R yêu cầu chị M, anh Lê Văn K trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị M, anh Lê Văn K phải chịu 14.518.194 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà không được chấp nhận nhưng Bà R là người cao tuổi được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị R được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0006519 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H C;
- THADS H C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hường